

Số: 128/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2022

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục  
Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

*Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 984/QĐ-KĐCL ngày 14/11/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 969/QĐ-KĐCL ngày 14/11/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;*

*Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XX ngày 04/12/2022 của Hội đồng,*

### QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức

năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Đinh Văn Toàn**

**Phụ lục I**

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,  
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 128/NQ-HĐKĐCL ngày 06 tháng 12 năm 2022  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

<b>Lĩnh vực/Tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm trung bình</b>
<b><i>Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược</i></b>	<b>3,96</b>
Tiêu chuẩn 1	3,80
Tiêu chuẩn 2	4,00
Tiêu chuẩn 3	3,75
Tiêu chuẩn 4	4,00
Tiêu chuẩn 5	4,00
Tiêu chuẩn 6	4,14
Tiêu chuẩn 7	4,00
Tiêu chuẩn 8	4,00
<b><i>Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống</i></b>	<b>4,01</b>
Tiêu chuẩn 9	4,00
Tiêu chuẩn 10	4,25
Tiêu chuẩn 11	4,00
Tiêu chuẩn 12	3,80

<b>Lĩnh vực/Tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm trung bình</b>
<b><i>Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng</i></b>	<b>4,00</b>
Tiêu chuẩn 13	4,40
Tiêu chuẩn 14	3,80
Tiêu chuẩn 15	3,80
Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chuẩn 17	4,50
Tiêu chuẩn 18	4,00
Tiêu chuẩn 19	3,75
Tiêu chuẩn 20	3,75
Tiêu chuẩn 21	4,25
<b><i>Mục 4. Kết quả hoạt động</i></b>	<b>4,13</b>
Tiêu chuẩn 22	4,50
Tiêu chuẩn 23	4,00
Tiêu chuẩn 24	4,00
Tiêu chuẩn 25	4,00

**Phụ lục II**  
**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**  
**ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,**  
**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 128/NQ-HĐKĐCL ngày 06 tháng 12 năm 2022  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017-2021 cho thấy, Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục đã được xây dựng qua các giai đoạn; được rà soát, điều chỉnh, cập nhật phù hợp với bối cảnh và yêu cầu của lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông. Hệ thống quản trị, cơ cấu quản lý được thiết lập hoàn chỉnh, đáp ứng quy định của Nhà nước và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Các mục tiêu chiến lược được chuyển tải thành các kế hoạch hành động và có chính sách phù hợp về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ được triển khai có hiệu quả; công tác đào tạo, bồi dưỡng được chú trọng và đầu tư; đội ngũ tiến sĩ tăng nhanh. Công tác quản lý tài chính được thực hiện theo quy định và tăng nhẹ, đảm bảo nguồn lực thực hiện các hoạt động. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì nâng cấp, tăng cường cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin hoạt động hiệu quả đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập và vận hành khá hiệu quả; đội ngũ cán bộ chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng; chiến lược đảm bảo chất lượng được cụ thể hóa thành các mục tiêu, chỉ số thực hiện chính và có các chính sách đảm bảo thực hiện thành công và được triển khai hàng năm. Các hoạt động đánh giá cấp nhà trường và chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn quốc gia và khu vực được triển khai. Hoạt động đối sánh được quy định và triển khai thực hiện trong quá trình phát triển các chương trình đào tạo và tự đánh giá chất lượng nhà trường, so chuẩn với các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng quốc gia và khu vực. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập trên cơ sở dữ liệu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và đã hỗ trợ khá kịp thời cho các cấp ra quyết định phù hợp.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Công tác tuyển sinh được chú trọng, công tác truyền thông tuyển sinh đa dạng, thu hút được người học có chất lượng. Nội dung các chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh thể hiện được sự tương thích giữa chuẩn đầu ra – chương trình dạy học – phương pháp dạy học – phương pháp kiểm tra đánh giá; các hoạt động dạy và học được thiết kế khá đa dạng, kết hợp trực tiếp với gián tiếp, phát triển năng lực của người học đáp ứng chuẩn đầu ra; công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định và thực hiện theo quy định. Các hoạt động hỗ trợ người học khá đa dạng; hệ thống hỗ trợ, giám sát người học vận hành khá hiệu quả. Công tác quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được tin học hóa và triển khai theo kế hoạch; được rà soát, đánh giá và cải tiến hàng năm và thể hiện rõ quan điểm, mục tiêu, định hướng tập trung đầu tư vào một số lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm theo thế mạnh chuyên môn của Trường; mạng lưới kết nối và

phát triển hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng được thiết lập theo chiều sâu và bước đầu có hiệu quả.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai khá đồng bộ từ đầu vào đến đầu ra, theo dõi, giám sát, đánh giá và đối sánh tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo; tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và có việc làm với mức thu nhập cao. Các loại hình nghiên cứu cơ bản đáp ứng ban đầu với các mục tiêu nghiên cứu và sứ mạng của Trường; kết quả nghiên cứu khoa học, sở hữu trí tuệ đạt được đáng khích lệ và có sự gia tăng. Các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng đã có nhiều tác động xã hội tích cực, nâng cao hình ảnh của Nhà trường và giúp cán bộ, giảng viên và sinh viên phát huy được khả năng tư duy, sáng tạo và các kỹ năng cần thiết khác, hỗ trợ tốt cho hoạt động học tập và tìm kiếm việc làm. Các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thực hiện tốt theo các quy định và duy trì được đà tăng trưởng ổn định.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Tăng cường khảo sát và sử dụng ý kiến của các bên liên quan để rà soát, cập nhật sứ mạng, tầm nhìn tính đến bối cảnh, xu hướng về đổi mới sáng tạo, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và khát vọng xây dựng Việt Nam phồn vinh, hùng cường, hạnh phúc; phát triển các giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục... để xây dựng văn hóa nhà trường; nâng cao năng lực của cán bộ, giảng viên, người học và các bên liên quan khác trong vận dụng sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục vào các hoạt động của tập thể, cá nhân để phát triển Nhà trường; hợp tác sâu rộng, hiệu quả với tất cả các bên liên quan.

2. Áp dụng sâu rộng quản trị đại học tiên tiến, quản trị theo sứ mạng, tầm nhìn, thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, công nghệ số, đổi mới sáng tạo và áp dụng hiệu quả quy trình PDCA với sự tham gia của các bên liên quan để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, uy tín, thương hiệu của Nhà trường; rà soát, đánh giá, cải tiến cơ chế, quy trình, văn bản, nhân sự của hệ thống quản trị; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ hệ thống quản trị về quản trị đại học tiên tiến, xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển dựa vào sự cân bằng, hài hòa lợi ích của các bên liên quan và trách nhiệm giải trình trước xã hội, đảm bảo tính bền vững, năng lực quản trị rủi ro tiềm tàng của các hoạt động.

3. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến, quảng bá hình ảnh, thương hiệu của nhà trường đến các bên liên quan; Hội đồng trường cần sớm ban hành chính thức Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế tổ chức và hoạt động trường theo đúng Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14; Nhà trường cần có quy trình, hướng dẫn rà soát định kỳ, giám sát cải tiến tính hiệu quả việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của các đơn vị theo KPIs, năng lực quản trị và mức độ hài lòng của các bên liên quan; xây dựng báo cáo phân tích cơ cấu lãnh đạo, quản lý trước và sau rà soát, điều chỉnh để thấy rõ hoạt động cải tiến cơ cấu tổ chức dựa trên kết quả rà soát, đánh giá.

4. Ban hành Hướng dẫn và triển khai việc xây dựng các chiến lược thành phần, kế hoạch ngắn hạn, quy trình rà soát, đánh giá mức độ thực hiện các KPI; thực hiện đối sánh quốc tế; có

kế hoạch phát triển để sớm trở thành một Think-Tank lớn có khả năng tư vấn chính sách quốc gia/quốc tế trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông; bổ sung các biện pháp quản trị rủi ro, xác định nguồn lực (nhất là tài chính); xây dựng Logframe cho việc thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển; nghiên cứu việc áp dụng “Thẻ điểm cân bằng” (BSC) và phương pháp “Hoshin Kanri” trong xây dựng và thực hiện chiến lược; lập quy trình theo dõi, giám sát đầy đủ việc thực hiện các KPI, đối sánh và công khai trong các báo cáo hàng năm.

5. Nâng cao hiệu quả việc xây dựng chính sách qua việc ban hành và áp dụng các bản hướng dẫn, tập huấn về việc xây dựng các chính sách, có kế hoạch triển khai tập huấn về việc xây dựng chính sách một cách đầy đủ; xây dựng quy trình, hướng dẫn, tiêu chí giám sát, đánh giá hiệu quả xã hội của các chính sách đang được thực hiện; nghiên cứu bổ sung một số chính sách cốt lõi có tính nguyên tắc chỉ đạo các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng như: tự do học thuật, quy tắc đạo đức nhà giáo trong đào tạo, xử lý xung đột lợi ích trong nghiên cứu khoa học, xây dựng hình mẫu công dân tích cực trong phục vụ cộng đồng.

6. Xây dựng kế hoạch cụ thể đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của đơn vị đáp ứng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực dựa trên việc đánh giá nhu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng và Kế hoạch chiến lược phát triển trường; có các giải pháp đột phá, đủ mạnh nhằm giữ chân người tài, thu hút được nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin; có quy định tỷ lệ ngân sách trong cơ cấu thu chi tài chính cho việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ; xây dựng và ban hành được hệ thống KPIs nhằm đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên một cách khoa học, khách quan, minh bạch.

7. Tiếp tục hoàn thiện Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025, chú trọng việc đa dạng hóa nguồn thu, giảm sự phụ thuộc vào đào tạo và ngân sách nhà nước, tăng nguồn thu từ nghiên cứu khoa học, trong đó có tăng nguồn thu từ tư vấn, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế, hợp tác với doanh nghiệp, từ dịch vụ công nghệ thông tin và đào tạo, bồi dưỡng trong lĩnh vực công nghệ thông tin và tăng chi cho nghiên cứu khoa học theo Nghị định 99/2014/NĐ-CP; đẩy mạnh việc triển khai Dự án ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng phát triển đại học số, nâng cấp hệ thống wifi; cập nhật, bổ sung đầy đủ tài liệu học tập cho các ngành đào tạo; xây dựng quy trình đánh giá hiệu quả các hạng mục đầu tư, mua sắm phục vụ hoạt động chuyên môn.

8. Xây dựng, ban hành văn bản quản lý hoạt động hợp tác trong nước; hoàn thiện bộ công cụ rà soát và các chỉ báo (KPIs) và thực hiện rà soát tổng thể về các quan hệ đối ngoại, mạng lưới và các đối tác; phân tích đánh giá các hoạt động đối ngoại và mạng lưới đối tác trong nước hàng năm, hoàn thiện mạng lưới đối tác chiến lược; có các chính sách, cơ chế cụ thể để tăng cường và khuyến khích các đơn vị, cá nhân và phát huy hiệu quả của các hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức và công nghệ, tư vấn chính sách.

9. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp với các mục tiêu chiến lược, nhu cầu phát triển của Nhà trường, tương thích với các yêu cầu của hệ thống đảm bảo chất lượng bên ngoài và bối cảnh Việt Nam; soi chiếu chiến lược đảm bảo chất lượng của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Khung đảm bảo chất lượng ASEAN để xây dựng giám sát, đánh giá và liên tục cải tiến chất lượng các hoạt động và phát triển văn hóa chất lượng Nhà trường; phát huy vai trò của Hội đồng trường trong việc quyết định các chính sách chất

lượng, chiến lược đảm bảo chất lượng; tăng cường số lượng, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ chuyên trách; tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn và có kế hoạch và biện pháp thích hợp để thu hút các bên liên quan tham gia trong các hoạt động; tiếp tục cải tiến quy trình xác lập các chỉ tiêu và chỉ số thực hiện chính về đảm bảo chất lượng và đẩy mạnh việc phát triển văn hoá chất lượng của Nhà trường.

10. Tiếp tục cải tiến quy trình tự đánh giá, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin hỗ trợ cho tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài; tổ chức rút kinh nghiệm để triển khai thực hiện tự đánh giá các chương trình đào tạo theo kế hoạch; các phát hiện qua tự đánh giá và các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài cần được lựa chọn ưu tiên, tập trung để có biện pháp khắc phục, cải tiến phù hợp; tổ chức rút kinh nghiệm, đánh giá hiệu quả hoạt động của các nhóm chuyên trách, phát huy vai trò của Hội đồng tự đánh giá trong tư vấn chính sách, tư vấn cải tiến chất lượng; đảm bảo thực hiện tự đánh giá các chương trình đào tạo theo kế hoạch và phát huy được hiệu quả; rà soát, đánh giá quy trình thực hiện tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài để cải tiến đặc biệt trong khâu chuẩn bị hồ sơ minh chứng và số liệu; chia sẻ các thực hành tốt nhất giữa các đơn vị của Trường và trong Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Rà soát và có kế hoạch phát triển hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong và hệ thống thông tin truyền thông ra bên ngoài để đảm bảo sự đồng bộ và đảm bảo được việc thu thập, phân tích và sử dụng những thông tin cần thiết phục vụ việc quản lý có hiệu quả những hoạt động cốt lõi; bổ sung hệ thống thông tin về đối sánh trong nước, quốc tế; thu thập và lưu trữ đầy đủ các thông tin đảm bảo chất lượng bên trong; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ phân tích dữ liệu, phân tích xu hướng, dự báo, so sánh, phân tích nguyên nhân và kết quả, ... nhằm hỗ trợ hiệu quả hơn cho việc ra quyết định của các cấp lãnh đạo, quản lý; triển khai bài bản việc rà soát hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong; tăng cường việc rà soát, lập kế hoạch cải tiến và đánh giá hiệu quả cải tiến về chính sách, quy trình của hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong.

12. Tiếp tục rà soát, cập nhật quy định về công tác đối sánh; mô tả rõ các tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng Với các đối tác; lựa chọn và thực hiện việc so chuẩn, đối sánh chất lượng với một số cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo khác để có thể học tập các thực hành tốt, góp phần nâng cao chất lượng; phân tích làm rõ những nội dung cải tiến công tác đảm bảo chất lượng, khuyến khích đổi mới, sáng tạo và kết quả đạt được; có kế hoạch rà soát và cải tiến Hướng dẫn đối sánh và so chuẩn chất lượng giáo dục, lưu ý đến quy trình lựa chọn các thông tin so chuẩn và đối sánh, các tiêu chí lựa chọn đối tác để thực hiện so chuẩn, đối sánh và tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh.

13. Tiếp tục đổi mới công tác truyền thông tuyển sinh, quảng bá hình ảnh của Trường đến với xã hội, bổ sung các thông tin về việc làm và thu nhập của sinh viên sau tốt nghiệp; huy động đồng đảo các bên liên quan; phân tích đánh giá đầy đủ và khai thác hiệu quả dữ liệu tuyển sinh, kết quả tuyển sinh đối với mỗi phương thức xét tuyển và tổ hợp xét tuyển, số lượng sinh viên nhập học ở các tỉnh thành phố, để có các biện pháp phù hợp nâng cao chất lượng tuyển sinh; tăng cường công tác giám sát thanh tra đối với các hình thức đào tạo ngoài chính quy, trình độ đào tạo sau đại học; thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan để cải tiến chất lượng.

14. Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia thiết kế phát triển chương trình đào tạo; giám sát, tăng cường khâu thẩm định chương trình đào tạo trước khi ban

hành; làm rõ hơn đường hướng dạy học và kiểm tra đánh giá của từng chương trình đào tạo; rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra đảm bảo phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia Việt Nam; bổ sung phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá đảm bảo tương thích với chuẩn đầu ra học phần; cập nhật một số nội dung trong chương trình dạy học phù hợp với xu thế phát triển, yêu cầu mới của thị trường lao động; rà soát, bổ sung tài liệu học tập.

15. Lan tỏa hơn nữa triết lý giáo dục “Toàn diện – Sáng tạo – Phụng sự” vào các hoạt động dạy học; xây dựng quy định, hướng dẫn về xây dựng môi trường dạy và học đa dạng, đáp ứng chuẩn đầu ra; xây dựng bổ sung chính sách, tiêu chí cụ thể ưu tiên tuyển dụng giảng viên trẻ có trình độ tiến sĩ, học hàm giáo sư, phó giáo sư; tăng cường lấy ý kiến của các đối tượng người học về hiệu quả của các hoạt động dạy học đối với việc rèn luyện cho họ khả năng học tập suốt đời; tăng cường khai thác tiềm năng hợp tác với các đối tác, doanh nghiệp trong việc hỗ trợ và tạo môi trường học tập, thực hành, thực tập nghề nghiệp cho người học; xây dựng các biện pháp thu hút người học tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, tìm tòi, học hỏi, khám phá tri thức; tập huấn nâng cao năng lực giảng viên trong việc áp dụng phù hợp các phương pháp dạy học của thế kỷ 21, lan tỏa các thực hành tốt trong trường, đảm bảo phương pháp dạy học của tất cả các chương trình đào tạo đều được cập nhật, hướng tới chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

16. Có kế hoạch và triển khai rà soát, cải tiến các phương pháp kiểm tra đánh giá người học và chất lượng đề thi đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu ra; có biện pháp giám sát, thúc đẩy việc xây dựng đồng bộ hệ thống rubrics đánh giá cho từng chương trình đào tạo; tăng cường đánh giá độ tin cậy và hiệu lực của các hình thức/bài thi-kiểm tra để kịp thời cải tiến chất lượng (đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học); đảm bảo quy trình chấm thi đúng quy định, quy chế; rà soát, bổ sung ma trận kết nối chuẩn đầu ra – phương pháp kiểm tra đánh giá trong đề cương môn học/học phần, xây dựng ma trận đề thi phản ánh tính tương thích với chuẩn đầu ra của học phần; tăng cường xây dựng ngân hàng câu hỏi các học phần dùng chung cho các ngành đào tạo.

17. Rà soát, điều chỉnh Quy chế công tác sinh viên phù hợp với tình hình mới; nâng cấp phần mềm quản lý người học có đầy đủ các tính năng giúp trích xuất dữ liệu thuận lợi; xây dựng các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cố vấn học tập, nhân viên hỗ trợ trên cơ sở đó có giải pháp đào tạo bồi dưỡng phù hợp; có các báo cáo riêng về rà soát định kỳ hiệu quả của hệ thống giám sát người học; khảo sát về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, đánh giá hiệu quả thực tế của các biện pháp để các giải pháp tiếp theo, nhằm nâng cao hơn nữa mức độ hài lòng của người học.

18. Thực hiện đối sánh với các trường đại học top 200 Châu Á để xác định bổ sung các KPI phù hợp với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn; xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ năm học theo hướng dẫn; tăng cường chính sách nghiên cứu khoa học cho cán bộ trẻ, nhóm nghiên cứu tiềm năng; tăng đầu tư cho khoa học và công nghệ, lưu ý các nghiên cứu đỉnh cao, phát kiến khoa học, tăng đề tài cơ sở; thành lập và tập trung đầu tư cho các nhóm nghiên cứu mạnh, có yêu cầu đặt hàng cụ thể mang tính chiến lược và có đầu tư tương xứng hơn để phát triển bền vững; tăng cường hơn nữa việc kết nối các viện, trung tâm nghiên cứu, văn phòng tư vấn chuyên gia để tạo các nghiên cứu liên ngành, gia tăng chuyên gia; hội thoại thường xuyên với các nhà tài trợ, hỗ trợ; tăng cường các công bố chung với các đối tác nước ngoài; đẩy



manh đầu tư và thu hút đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm mũi nhọn để đáp ứng được với định hướng xây dựng trường Đại học Công nghệ Thông tin hàng đầu Việt Nam và khu vực.

19. Xác định cụ thể các chỉ tiêu cần đạt đối với các phát minh sáng chế, các giải pháp hữu ích, ... trong các kế hoạch chiến lược và nhiệm vụ hàng năm; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho các sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ của Trường; xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ; xây dựng chiến lược tạo tài sản trí tuệ, thúc đẩy chuyển giao tri thức trên các lĩnh vực có thế mạnh và tiềm năng; thiết lập quy trình quản lý rủi ro, bảo vệ và chiến lược “ra thị trường”/khai thác các tài sản trí tuệ; đặt yêu cầu cao hơn về nhiệm vụ cho các viện, trung tâm nghiên cứu; đánh giá hiệu quả, mức độ đóng góp của các đơn vị so chiếu với nhiệm vụ được giao, với mức độ đầu tư; có cơ chế khuyến khích, giám sát, quản lý việc tham gia tư vấn, chuyển giao bên ngoài của cán bộ, giảng viên; truyền thông rộng rãi hơn về sở hữu trí tuệ; tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu; có cơ chế, biện pháp để theo dõi, giám sát, quản lý việc tham gia các hợp đồng dự án với bên ngoài để tránh thất thoát các tài sản trí tuệ; tích cực áp dụng các hình thức chống sao chép, tuân thủ việc trích dẫn trong học tập, nghiên cứu, lưu ý đưa vào sử dụng phần mềm chống đạo văn.

20. Thực hiện so chuẩn, đối sánh quốc tế để xây dựng các KPI cụ thể, bổ sung vào kế hoạch chiến lược, các nhiệm vụ năm học; xây dựng KPIs về hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học trong đó nhấn mạnh trọng số về tính hiệu quả hợp tác, sự thúc đẩy nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu khoa học với các đối tác ưu tiên và đối tác chiến lược, hoạt động trao đổi sinh viên, lưu ý tới trao đổi sinh viên quốc tế; đầu tư tương xứng hơn để chủ động phát triển mạng lưới ổn định các hợp tác nghiên cứu, xây dựng công viên/vườn ươm khoa học công nghệ có sự tham gia của các đối tác nước ngoài; phát triển bền vững các nhóm nghiên cứu mạnh làm đòn bẩy để tăng cường các đề tài, hợp tác song phương, nghị định thư; tăng cường công bố khoa học là kết quả từ các hợp tác nghiên cứu chung giữa Nhà trường và các đối tác.

21. Bổ sung Kế hoạch chiến lược về phục vụ cộng đồng với các mục tiêu, chỉ tiêu, kế hoạch và giải pháp riêng, cụ thể cho lĩnh vực hoạt động này; quan tâm, đẩy mạnh hơn nữa mảng hoạt động về tư vấn chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế địa phương để các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường được đầy đủ hơn, đồng thời góp phần nâng cao hơn vị thế của Nhà trường; định kỳ có các báo cáo riêng việc tuân thủ các quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng; theo dõi đánh giá những cải tiến trong các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; thực hiện khảo sát khách quan và đầy đủ sự hài lòng của các bên liên quan trong và ngoài trường về những cải tiến trong hoạt động.

22. Tiếp tục tìm các giải pháp tối ưu để hạn chế thấp nhất tỷ lệ sinh viên bị cảnh báo học tập và buộc thôi học, có phương án tư vấn tâm lý và tăng cường hỗ trợ, giám sát; có giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ, lập thêm câu lạc bộ tiếng Anh để giúp hỗ trợ các điều kiện cho sinh viên sớm hoàn thành các chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, hoàn thành các điều kiện để tốt nghiệp đúng hạn; mở rộng quy mô khảo sát doanh nghiệp ra nhiều tỉnh thành và cả nước; lập kế hoạch, triển khai thực hiện đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp với các trường trong và ngoài nước.

23. Thường xuyên thực hiện đối sánh quốc tế để lập kế hoạch, thiết lập các KPI cho hoạt động, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm và xây dựng cơ chế sử dụng hiệu quả kết quả đánh giá để cải tiến chất lượng nghiên cứu khoa học; đầu tư tăng cho khoa học và công nghệ; tăng cường năng lực nghiên cứu đồng đều cho cán bộ trẻ, đặt yêu cầu cao hơn đối với các viện, trung tâm nghiên cứu, các nhóm nghiên cứu mạnh, tăng chất lượng công bố quốc tế, nhất là các công bố có chỉ số tác động cao; có chiến lược tăng cường đăng ký các phát minh sáng chế, giải pháp khai thác các tài sản trí tuệ; có chiến lược và biện pháp để quản lý, tổ chức các hoạt động khoa học và công nghệ theo “mô hình 4P” (purpose, priority, product, people/partner); xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp trong Nhà trường; đặt yêu cầu cụ thể đối với nghiên cứu khoa học trong sinh viên; tổ chức các câu lạc bộ chuyên môn, các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp.

24. Rà soát, điều chỉnh Quy định về hoạt động phục vụ cộng đồng của Trường, phân biệt rõ các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng với các lĩnh vực hoạt động khác như đào tạo chính quy, nghiên cứu khoa học, tuyển sinh và hỗ trợ sinh viên trong các chương trình đào tạo có cấp bằng; phân biệt các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng trong xã hội với hoạt động phục vụ, hỗ trợ cộng đồng sinh viên trong Trường; bổ sung nội dung về đối sánh và đánh giá tác động; thực hiện đánh giá một cách hệ thống, bài bản tác động xã hội, tác động của các hoạt động đối với người học và cán bộ, giảng viên kèm theo khảo sát; phát huy ưu thế về ngành nghề đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin, phát triển các mô đun học tập dựa trên cộng đồng (community based learning) để gia tăng tác động tích cực đến người học và cán bộ, giảng viên.

25. Điều chỉnh Kế hoạch chiến lược của trường giai đoạn 2021-2025, Quy chế tài chính tạm thời, xác định các chỉ tiêu tài chính cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, chú trọng nhiều hơn đến việc đa dạng hóa nguồn thu và có các giải pháp đột phá nhằm giảm sự phụ thuộc vào đào tạo, tăng nguồn thu từ nghiên cứu khoa học, trong đó có tăng nguồn thu từ tư vấn, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và liên kết đào tạo, từ các đề tài do doanh nghiệp đặt hàng và các hoạt động cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động bồi dưỡng ngắn hạn, v.v; tăng chi cho nghiên cứu khoa học theo tinh thần Nghị định 99/2014; xác định bằng văn bản các chỉ số thị trường của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng: chỉ số cạnh tranh, thị phần, thứ hạng, lựa chọn đối tác đối sánh theo tầm nhìn và xây dựng, ban hành các văn bản quy định hệ thống giám sát tổng thể kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; có lộ trình tham gia xếp hạng các trường đại học theo bảng xếp hạng trong và ngoài nước.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định./.

-----